

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 295/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo.

Bà Vũ Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh ngày 05/9/1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 16/10/1989.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người được chị L ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đoàn kết h trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 26/11/2012. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì anh Đ đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2015 chị cũng sang Đài Loan cùng anh. Năm 2018, do mẹ chồng bị bệnh nặng nên anh Đ về nước chăm mẹ, nhưng mẹ chị không qua khỏi và qua đời năm 2018. Năm 2019 chị về nghỉ phép để giỗ đầu mẹ chồng thì phát hiện anh Đ đưa người phụ nữ khác về nhà và còn thắp hương vào ngày giỗ đầu của mẹ chồng chị. Từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Hết thời gian nghỉ phép chị quay lại Đài Loan làm việc nhưng vợ chồng ít liên lạc và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân khoảng 4 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 21/9/2013, hiện con đang ở với chị gái chị là Đỗ Thị T. Chị đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam chị ủy quyền cho chị Đỗ Thị T thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị L đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị Đỗ Thị T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và anh Nguyễn Văn Đ có quan hệ là anh em ruột, hiện tại anh Đ đang đi làm ở Hải Dương, địa chỉ cụ thể như thế nào anh không nắm được, thỉnh thoảng anh Đ về nhà và vẫn thường xuyên liên lạc với anh. Thông qua liên lạc, anh Đ trình bày: anh đã nhận được các văn bản do Tòa án giao cho anh nhưng do công việc bận nên anh không đến Tòa án trình bày được, anh xác định từ khi chị L đi lao động ở nước ngoài vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L có tình cảm với người khác, gia đình chị L lạnh nhạt, đối xử tệ bạc với anh. Mặc dù anh không mong muốn ly hôn, nhưng thực tế vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, còn việc ly hôn là do chị L tự giải quyết.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng, hiện con đang ở với chị Đỗ Thị T, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Cháu Nguyễn Nhật A có nguyện vọng được ở với mẹ và chị Đỗ Thị T, chị L tự nguyện không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của chị L và anh Đ là cháu Nguyễn Nhật A có nguyện vọng được ở với chị L và chị Đỗ Thị T.

Người được chị L ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Đỗ Thị T trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị L, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị L biết, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị L, anh Đ đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị L, anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do điều kiện kinh tế khó khăn chị L, anh Đ đi lao động ở nước ngoài, anh Đ đã về nước và thường xuyên sinh sống tại địa phương, chị L đến nay chưa về nước, có lần chị về phép nhưng không về chung sống cùng anh mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó, nay chị L có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật A cho chị L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Nhật A cho chị Đỗ Thị T chăm sóc cho đến khi chị L về nước. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị L có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang sinh sống, lao động tại Đài Loan. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ tại thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị L không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Đỗ Thị T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn và các tài liệu của chị đã được UBND xã Đ xác nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh Đ vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Đoàn kết h trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 26/11/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh chị mỗi người ở một nơi, vợ chồng nghi ngờ tình cảm của nhau, từ đó không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Chị L có thời gian về nghỉ phép nhưng cũng không về sống cùng anh Đ, anh Đ mặc dù không mong muốn ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải cho anh chị, chứng tỏ anh không mong muốn được hòa giải và cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ mà để chị L tự chị giải quyết việc ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 21/9/2023, hiện đang ở với chị Đỗ Thị T. Chị L và anh Đ thống nhất giao con chung Nguyễn Nhật A cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi và chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị L không có mặt ở Việt Nam chị L và anh Đ thống nhất giao con chung cho chị Đỗ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước. Con chung Nguyễn Nhật A có nguyện vọng ở với chị L và chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp

với nguyện vọng của con và quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Nguyễn Nhật A cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao con Nguyễn Nhật A cho chị T chăm sóc cho đến khi chị L về nước.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh Đ cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L, xử cho chị Đỗ Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 21/9/2023 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Nhật A cho chị Đỗ Thị T chăm sóc cho đến khi chị L về nước.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000575 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Đỗ Thị T nộp thay). Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường